TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02/3/2023.
V/v ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc;
Ông Lê Văn Mỳ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Quách Thanh N, sinh ngày 05/5/1985;
Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Bình M, huyện Châu P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Hoàng Bích L, sinh ngày 22/10/1980;
Địa chỉ: Tổ 8, ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
(*Ông N và bà L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Quách Thanh N trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà Hoàng Bích L kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2012, ngày 19/10/2012.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, nguyên do tính tình của hai người không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Khoảng giữa tháng 6/2014 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau.

Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N khai không có.

** Bị đơn bà Hoàng Bích L trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Quách Thanh N kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, nguyên do tính tình của hai người không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Khoảng tháng 6/2014 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý ly hôn với ông N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Quách Thanh N, cho ông N được ly hôn với bà L; về con chung không có; về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do ông N, bà L đều khai không có và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Quách Thanh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Hoàng Bích L, nơi cư trú tại nhà không số, tổ 8, ấp 2, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn", và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn ông Quách Thanh N, bị đơn bà Hoàng Bích L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Quách Thanh N và bà Hoàng Bích L tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2012, ngày 19/10/2012; căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 và 14 của Luật hôn nhân và gia

đình năm 2000, hôn nhân giữa ông N và bà L được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của ông N là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng ông N, bà L đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 6/2014 cho đến nay hai người đã không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự hàn gắn, nhưng ông N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, chứng tỏ ông N không muốn hàn gắn giữa hai bên, còn bà L cũng đồng ý ly hôn với ông N. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông N và bà L đã lâm vào trình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của ông N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa ông N và bà L không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà L đều khai không có. Tại phiên tòa hôm nay, ông N và bà L đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Quách Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 11, 12, 13, 14, 89 và 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 57 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Thanh N về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Quách Thanh N được ly hôn với bà Hoàng Bích L.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông N, bà L đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Ông Quách Thanh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004879 ngày 06/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 73, ngày 19/10/2012);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Anh Sơn